TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2026/HS-PT.
Ngày: 24/3/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Phượng;

Bà Lê Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (Số A, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ), xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2026/TLPT-HS ngày 29/01/2026 đối với bị cáo Nguyễn Bá L do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Cần Thơ.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Bá L; sinh ngày: 20/11/1991; nơi sinh: thành phố Cần Thơ (tỉnh Sóc Trăng cũ); nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: nguyên là cán bộ Công an; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ú và bà Đặng Thu H; có vợ là bà Trần Ngọc L1; sinh năm: 1993 (đã ly hôn) và bà Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1988 (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/6/2025 cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá L:* Ông Nguyễn Văn Đ - luật sư của Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố C; địa chỉ trụ sở Công ty: Số B, đường T, phường N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị hại:* Ông Phạm Minh K; sinh ngày: 15/8/1987; nơi cư trú: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Công an xã N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của Công an xã N: Ông Nguyễn Thanh B; chức vụ: Phó Trưởng Công an xã N, thành phố Cần Thơ; địa chỉ nơi làm việc: Công an xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim N; sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị T; sinh ngày: 10/10/1988; nơi cư trú: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Ông Lê Phát Tấn Đ1; sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

4. Ông Tạ Thanh H1; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp H, phường M, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

5. Ông Lý Minh H2; sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp T, phường M, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

6. Ông Lê Thanh T1; sinh năm: 1966; nơi cư trú: ấp K, xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

7. Bà Thạch Thị Sà K1; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

8. Ông Lê Tấn H3; sinh năm: 2000; nơi cư trú: ấp P, xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

9. Ông Võ Bạch H4; sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp H, phường M, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- *Điều tra viên:* Ông Trần Văn N1; nơi công tác: Công an xã N, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim N là vợ chồng, thời gian chung sống từ năm 2022. Ngày 15/9/2023, bị cáo L hợp đồng thuê nhà của ông Lý Thanh C ở ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ) để mở quán ăn uống Ngọc L2 và giao cho bà N trực tiếp buôn bán hàng ngày. Đến ngày 19/9/2023, bị cáo và bà N ly hôn, nhưng bà N vẫn tiếp tục bán tại quán mà bị cáo L2 đã thuê.

Vào năm 2022, bà N có vay của ông Phạm Minh K số tiền 97.000.000 đồng. Từ cuối năm 2023, ông K có đến quán N2 nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền, nhưng bà N chỉ hứa hẹn mà chưa hoàn trả. Đến sáng ngày 02/01/2024, ông K điều khiển xe mô tô chở vợ cùng con là bà Lê Thị T và cháu Phạm Xuân L3 đến quán gặp bà N đòi nợ. Khi biết ông K chuẩn bị đến đòi nợ, bà N gọi điện thoại báo cho Nguyễn

Bá L biết, thời điểm này L đang công tác tại Công an xã T (nay là xã N), đang học nghị quyết tại Ủy ban nhân dân xã T, L đang không có trong ca trực và cũng không được lãnh đạo phân công giải quyết công việc, nhưng sau khi nghe bà N điện thoại thì L tự ý bỏ học và mặc trang phục cảnh sát chạy xe mô tô đến ngồi bên trong quán với bà N.

Khi ông K đến đậu xe ở quán cà phê đối diện quán của L, ông K để cho vợ, con vào uống nước, còn ông K đi bộ qua lộ và đứng trước sân quán của L, thấy có L ở bên trong và đang mặc trang phục cảnh sát nên ông K nói muốn gặp bà N vì bà N hứa trả nợ cho ông K, thì L và bà N không nói gì. Ông K đứng trước cửa quán đợi một lúc, thì L đứng dậy dùng tay chỉ vào ông K và nói ông K xâm nhập gia cư bất hợp pháp, yêu cầu ông K ra khỏi nhà L, thì ông K không đồng ý và nói mình không xâm nhập gia cư bất hợp pháp. Thấy ông K không đồng ý ra khỏi quán nên bị cáo L đi lại xe mô tô của L đang đậu gần đó và mở cốp xe mô tô lấy 01 khóa số 8 (còng số 8) đi lại chỗ ông K đứng rồi dùng tay trái chụp tay trái của ông K, còn tay phải L cầm Khóa số 8 khóa vào cổ tay trái ông K và bóp khóa lại, ông K xoay người vung tay phải lên thì bị L dùng tay trái tiếp tục chụp tay phải ông K kéo xuống tra Khóa số 8 khóa vào cổ tay phải của ông K rồi bóp lại, khiến cho 02 tay ông K đều bị còng lại với nhau trong tư thế 02 tay đặt phía trước bụng. Tiếp theo, L dẫn ông K đi lại xe mô tô của L và kêu ông K lên xe để đi đến trụ sở Công an xã T nhưng ông K không chịu đi. Lúc này, bà T ở bên quán cà phê đối diện thấy ông K bị L còng tay nên mới chạy qua dùng điện thoại ghi hình ghi âm lại vụ việc, đồng thời yêu cầu L mở còng tay cho ông K nhưng L không mở mà lên xe mô tô ngồi. Ngay sau đó, L gọi điện thoại cho ông Lê Phát Tấn Đ1 là Trưởng Công an xã T thông tin là ông K tới quậy nên L còn ông K. Đồng thời, ông K cũng gọi điện thoại báo cho ông Đ1 nói bị L còng tay trái pháp luật tại quán của L. Ông Đ1 phân công ông Tạ Thanh H1 là Phó trưởng Công an xã T đến nơi xảy ra vụ việc để xử lý. Khi ông H1 đến thì ông K không đồng ý cho mở còng tại chỗ mà yêu cầu phải đến Công an xã T để giải quyết nên ông H1 chở ông K đến trụ sở Công an xã T để làm việc và lập biên bản mở khóa còng cho ông K và niêm phong Khóa số 8 lại. Sau đó, ông K làm đơn tố giác L có hành vi bắt người trái pháp luật.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ: 03 (ba) tiệp video ghi nhận sự việc Phạm Minh K bị còng tay (do bà Lê Thị T giao nộp), được trích xuất ra đĩa DVD niêm phong đưa vào hồ sơ vụ án; 01 (một) Giấy chứng nhận sử dụng công cụ hỗ trợ, số hiệu I1719775; 01 (một) Khóa số 8 màu trắng, số hiệu I1719775 (đã được niêm phong).

Trong quá trình điều tra, L khai nhận Khóa số 8 (còng số 8) mà L dùng để còng tay ông K là công cụ hỗ trợ được cấp cho Công an xã T, do ca trực trước đó L được cấp mang theo, tuy nhiên khi hết ca trực thì L không bàn giao lại cho Công an xã theo quy định mà vẫn để trong cốp xe của mình cho đến ngày 02/01/2024.

Tại Bản kết luận giám định số 108/KLKTSĐT-KTHS ngày 23/01/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh S kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong các tệp video mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 và A3.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Cần Thơ quyết định như sau:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Nguyễn Bá L.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá L phạm tội "Bắt người trái pháp luật".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về nghĩa vụ chậm thi hành án, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 26/12/2025, bị cáo Nguyễn Bá L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ, trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra.

* Ngày 24/3/2026, bị cáo Nguyễn Bá L nộp đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Bá L giữ nguyên nội dung kháng cáo đã thay đổi là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo hưởng án treo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giải quyết vụ án: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện. Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Bá L phạm tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là đúng quy định của pháp luật. Xét Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L mức hình phạt 06 tháng tù là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, tự nguyện nộp số tiền 4.680.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố C để bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo L các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Xét bị cáo L bị xử phạt tù không quá 03 năm,

có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo đã nhận thức được vi phạm, ăn năn hối cải và bị cáo còn khả năng tự cải tạo là có đủ điều kiện xem xét cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá L: Thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025), từ đó chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025).

- Nói lời sau cùng tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Bá L xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an xã N, người làm chứng Nguyễn Thị Kim N, Lê Phát Tấn Đ1, Tạ Thanh H1, Lý Minh H2, Lê Thanh T1, Thạch Thị Sà K1, Lê Tấn H3, Võ Bạch H4 vắng mặt không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Điều tra viên Trần Văn N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của họ là không gây cản trở cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào các điều 351 và 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L lập ngày 25/12/2025 và nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 26/12/2026 là đúng quy định của pháp luật về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025). Đến ngày 24/3/2026, bị cáo Nguyễn Bá L nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đối với Đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo do bị cáo L lập ngày 24/3/2026, theo đó bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo hưởng án treo. Căn cứ vào các điều 342 và 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung

kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L, về việc xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Bá L như sau: Vào lúc khoảng gần 09 giờ ngày 02/01/2024, tại khu vực trước quán ăn N2 ở ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cũ (nay là ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ), xuất phát từ việc ông Phạm Minh K đến đòi nợ bà Nguyễn Thị Kim N (là vợ đã ly hôn của bị cáo Nguyễn Bá L), giữa ông K và bị cáo L xảy ra cự cãi, sau đó bị cáo L đã mở cốp xe mô tô lấy 01 khóa số 8 (còng số 8) khóa vào hai cổ tay của ông K và yêu cầu ông K lên xe của L về trụ sở Công an xã T làm việc nhưng ông K không đồng ý. Sau đó, ông Tạ Thanh H1 là Phó trưởng Công an xã T được phân công đến xử lý vụ việc, ông H1 chở ông K đến trụ sở Công an xã T để làm việc và lập biên bản mở khóa còng cho ông K và niêm phong Khóa số 8 lại. Đối với Nguyễn Bá L là cán bộ Công an xã T, tuy nhiên ngày 02/01/2024 L không được lãnh đạo Công an xã T phân công trực và phân công đến giải quyết vụ việc ông Phạm Minh K đòi nợ bà Nguyễn Thị Kim N. Xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân mà bị cáo L đã dùng Khóa số 8 (còng số 8) khóa hai tay của ông K, khống chế ông K với mục đích đưa về Công an xã T. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Bá L phạm tội "Bắt người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L, về việc xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo L là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo có công với cách mạng và áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, tự nguyện nộp số tiền 4.680.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố C để bồi thường cho bị hại, bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025). Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo L mức án 06 tháng tù là phù hợp quy định của pháp luật và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo L bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng là có đủ điều kiện để xem xét, cân nhắc có thể cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) và xét thấy bị cáo L còn có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ

không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025), Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bá L, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L, sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá L của bản án sơ thẩm, cho bị cáo hưởng án treo.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Bá L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Giao Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ tiếp tục quản lý số tiền 4.680.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Bá L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000917 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để đảm bảo thi hành án.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025).

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bá L, về việc xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo. Sửa phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bá L của Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2025/HS-ST ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực X - Cần Thơ.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 157; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2024, 2025) đối với bị cáo Nguyễn Bá L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Bắt người trái pháp luật" và 01 (một) năm thử thách, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 24/3/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Bá L cho Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Cần Thơ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Bá L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Bá L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Bá L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Giao Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ tiếp tục quản lý số tiền 4.680.000 đồng (bốn triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng) mà bị cáo Nguyễn Bá L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000917 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ để đảm bảo thi hành án.

5. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Vũ

Nơi nhận:
- Vụ GĐ, KT 1-TANDTC (01);
- VKSND TP. Cần Thơ (01);
- TAND khu vực X-Cần Thơ (02);
- VKSND khu vực X-Cần Thơ (01);
- THADS TP. Cần Thơ (01);
- CQCSĐT-Công an TP. Cần Thơ (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Cần Thơ (01);
- THADS khu vực X-Cần Thơ (01);
- UBND, Công an xã Nhu Gia, TP.Cần Thơ (02);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người TGTT khác (01);
- P.GĐ, KT, TTr & THA-TAND TP. CT (01);
- CQTHAHS-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Phòng HSNV-Công an TP. Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, THS (04).